

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC HỌC SỐ TỪ TIẾNG NGA CỦA SINH VIÊN NĂM 3 CHUYÊN NGÀNH TIẾNG NGA DU LỊCH

THE DIFFICULTIES IN LEARNING RUSSIAN NUMERALS OF 3RD YEAR STUDENTS OF TOURISM RUSSIAN MAJOR

Nguyễn Huyền Nam Trân*

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng¹

*Tác giả liên hệ: nhntran@ufl.udn.vn

(Nhận bài: 01/7/2021; Chấp nhận đăng: 07/9/2021)

Tóm tắt - Việc đào tạo tiếng Nga ở các trường Đại học để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong lĩnh vực du lịch – dịch vụ là nhiệm vụ quan trọng đối với giảng viên tiếng Nga nói riêng và chương trình đào tạo nói chung. Khác với tiếng Việt, tiếng Nga là một ngôn ngữ biến cách, chính vì thế việc học ngữ pháp tiếng Nga thường gây rất nhiều khó khăn cho sinh viên Việt Nam, trong đó phải kể đến thành phần từ loại – số từ. Bài báo trình bày các phạm trù về số từ tiếng Nga, đặc điểm của chúng, nêu ra những khó khăn sinh viên gặp phải khi học số từ này, đặc biệt khi sử dụng chúng trong chuyên ngành du lịch. Trên cơ sở những khó khăn đó, tác giả đề xuất một số dạng bài tập thực hành về số từ tiếng Nga để giúp người học khắc phục khó khăn. Điều đó sẽ giúp cho người học tự tin hơn khi sử dụng số từ tiếng Nga và sử dụng chúng một cách hiệu quả trong công việc.

Từ khóa - Số từ tiếng Nga; giống; số; cách; du lịch

1. Mở đầu

Có thể nói số từ xuất hiện với tần suất khá nhiều trong văn bản và giao tiếp khi làm việc trong lĩnh vực du lịch như: thời gian khởi hành của chuyến bay, số lượng khách trong đoàn, thời gian lưu trú của khách, chuyên tham quan bắt đầu lúc mấy giờ, hay khi thuyết minh số liệu về điểm tham quan; Báo giá chuyến du lịch cho khách hàng; v.v. Điều đó cho thấy, việc thông thạo và sử dụng chính xác được số từ là rất cần thiết. Tiếng Nga là một ngôn ngữ biến cách. Ngữ nghĩa của cụm từ, của câu sẽ bị ràng buộc bởi các quy tắc ngữ pháp, trong tiếng Nga: Giống, số và cách là các quy tắc vô cùng quan trọng, chi phối hầu hết các nội dung truyền đạt ở các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Các số từ trong ngôn ngữ Nga cũng tuân thủ theo các quy tắc đó. Để biến đổi số từ một cách chính xác, sinh viên phải ghi nhớ sáu cách của những số từ này: Danh cách, sở hữu cách, tặng cách, đối cách, cách công cụ và giới cách. Hay nói cách khác: Cách một, cách hai, cách ba, cách bốn, cách năm, cách sáu. Trong tiếng Nga, sáu cách đều có cách dùng khác nhau và mỗi một cách sẽ bao hàm nhiều cách dùng, và sinh viên cần phải nắm được các biến cách và ý nghĩa từ vựng của các cách để có thể biến đổi các số từ được chính xác. Trái với tiếng Nga, tiếng Việt lại là ngôn ngữ không biến hình và không có đuôi từ. Chính vì thế, việc học số từ tiếng Nga sẽ gây ra những khó khăn nhất định đối với người học. Để tăng độ tin cậy cho nghiên cứu, tác giả tiến hành khảo sát những trở ngại trong việc học số từ tiếng Nga đối với sinh viên chuyên ngành du lịch. Từ đó đề xuất những dạng bài tập phù hợp khắc phục khó khăn sinh viên thường gặp phải.

Abstract - The Russian language training at universities to meet labor market demands is a critical task for Russian language teachers in particular, and training programs in general. Russian, unlike Vietnamese, is an inflected language, therefore learning Russian grammar, especially parts of speech – numerals, can be difficult for students. The article discusses the different types of Russian numerals, their characteristics, and the challenges that students face when learning, particularly when using them in the tourism industry. Based on these difficulties, the author propose a variety of practice exercises for Russian numerals to assist learners in overcoming obstacles. This will help students gain confidence in using Russian numerals and use them effectively at work.

Key words - Russian numerals; gender; number; manner; tourism

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Định nghĩa và phân loại số từ tiếng Nga

V.K. Lebedev quan điểm rằng: “Số từ là một thành phần từ loại, biểu thị số lượng đồ vật, con số, cũng như là thứ tự của đối tượng trong khi đếm. Số từ trả lời cho những câu hỏi như: *сколько?* (*bao nhiêu?*) và *какой?* (*như thế nào?*)” [1, tr 4].

Việc phân loại số từ tiếng Nga dựa trên các phạm trù sau:

- Về mặt ngữ nghĩa, số từ được chia thành bốn nhóm:

1) Количественные числительные (số từ số lượng): *один (một), два (hai), семь (bảy), тридцать (ba mươi), ...*

2) Собирательные числительные (số từ tập hợp): *трое (ba), семеро (bảy), оба (cả hai), ...*

3) Порядковые числительные (số từ thứ tự): *первый (thứ nhất), второй (thứ hai), седьмой (thứ bảy), тридцатый (thứ ba mươi), ...*

4) Дробные числительные (phân số): *две пятых (hai phần năm), четыре девятых (bốn phần chín), ...*

- Theo cấu tạo hình thái, thì số từ bao gồm ba nhóm sau:

1) Простые числительные (số từ đơn giản): *пять (năm), сто (một trăm), третий (thứ ba), ...*

2) Сложные числительные (số từ phức tạp): *семнадцать (bảy mươi), пятьсот (năm trăm), семидесятый (thứ bảy mươi), ...*

3) Составные числительные (số từ ghép): *четыреста тридцать девять (bốn trăm ba mươi chín), тридцать первый (thứ ba mươi mốt), ...*

¹ The University of Danang - University of Foreign Language Studies (Nguyen Huyen Nam Tran)

Trong bài báo này, tác giả phân tích đặc điểm hình thái, cú pháp của số từ dựa trên phạm trù về mặt ngữ nghĩa.

2.2. Đặc điểm hình thái và cú pháp của số từ

Số từ được sử dụng rất nhiều trong cuộc sống hàng ngày. Để sử dụng số từ một cách chính xác, cần phải nắm được toàn bộ đặc điểm hình thái của nó trong tiếng Nga, cũng như các quy tắc kết hợp số từ với các từ loại khác và quy tắc sử dụng số từ trong câu.

2.2.1. Đặc điểm hình thái và cú pháp của số từ số lượng

Số từ số lượng là số từ xác định số lượng của những khách thể [2, tr 455]: *пять (năm)*, *одиннадцать (mười một)*, *десять кукол (mười con búp bê)*, *миллион роз (triệu bông hồng)*.

a. Đặc điểm hình thái

- Phạm trù giống: Số từ *один (một)* và *два (hai)* có hình thức giống (*один, одна, одно; два, две*). Những số từ còn lại không có giống.

- Phạm trù số: Số từ không có số ít hay số nhiều, ngoại trừ *один (một)*. Số từ *один (một)* có hình thức dạng số nhiều là *одни*, tuy nhiên hình thức này không truyền đạt ý nghĩa của số nhiều. Hình thức số nhiều *одни* chỉ được kết hợp với danh từ số nhiều. Ví dụ: *одни сумки (một ngày điem)*, *одни часы (một chiếc đồng hồ)*,...

- Phạm trù cách: Liên quan đến phạm trù cách, tất cả các số từ số lượng đều có phạm trù cách. Phạm trù cách ở số từ là một phạm trù hình thái thay thế, được biểu thị bằng sáu hình thức của cách, sự biến cách giống với các biến cách của danh từ hoặc tính từ.

+ Số từ *один (một)* biến cách như tính từ ở dạng số ít.

+ Số từ *два (hai)*, *три (ba)*, *четыре (bốn)* có đuôi biến cách giống tính từ ở dạng số nhiều.

+ Số từ *пяти (năm)* đến *десяти (mười)*; *сố từ có đuôi -дцать: пятнадцать (mười lăm)*, *двадцать (hai mươi)*, ...; Và đuôi *-десят: пятьдесят (năm mươi)*, *шестьдесят (sáu mươi)* biến cách như danh từ giống cái tận cùng là dấu mềm. Lưu ý: Các số từ đuôi *-десят* biến cách cả hai bộ phận.

+ Số từ *сорок (bốn mươi)*, *девяносто (chín mươi)*, *сто (một trăm)* có hai dạng biến cách: dạng nguyên cách ở cách một và cách bốn khi đi với danh từ bất động vật, và ở các cách khác có đuôi là *-а*.

+ Số từ *двести (hai trăm)*, *триста (ba trăm)*, *четыреста (bốn trăm)* và tất cả các số từ đuôi *-сот* biến đổi cả hai phần.

+ Số từ số lượng, ngoại trừ *один (một)*, biến cách khi kết với tất cả danh từ ở các cách hai, cách ba, cách năm, cách sáu, còn ở cách một và cách bốn sẽ không biến đổi.

b. Đặc điểm cú pháp

Số từ số lượng có những vai trò cú pháp khác nhau trong câu. Chúng có thể là:

1) Chủ ngữ và vị ngữ: *три да три (chủ ngữ) - шесть (vị ngữ)*; *(ba cộng ba bằng sáu)*

2) Thành phần phụ trong câu:

- *От пяти отнять два (bỏ ngữ)*
(Từ năm trừ đi hai)

- *Больше двух рублей не могу дать (tính ngữ)*
(Tôi không thể đưa nhiều hơn hai rúp)

Các đặc điểm cú pháp của số từ số lượng chủ yếu được thể hiện khi kết hợp với danh từ và bị chi phối bởi động từ.

- Số từ *один (một)* có cả ba giống và số, được sử dụng với danh từ mà đồng nhất với nó về giống, số và cách: *один карандаш (một cây bút chì)*, *одна рубашка (một cái áo sơmi)*, *одно яблоко (một quả trứng)*, *одни ножницы (một cây kéo)*. Nếu số từ này ghép với số từ khác có kết thúc là *один* như: *сто тридцать один (một trăm ba mươi mốt)*, *пятьдесят один (năm mươi mốt)*, thì danh từ kết hợp với số từ đó được sử dụng dạng số ít: *пятьдесят один учебник (năm mươi mốt quyển giáo trình)* (không phải *учебники*), *пятьдесят одна сумка (năm mươi mốt cái túi xách)* (không phải *сумки*).

- Trong cách bốn và cách năm, danh từ được chia ở cách hai số ít với các số từ *два (hai)*, *три (ba)*, *четыре (bốn)* và ở dạng cách hai số nhiều cho các số khác từ *пяти (năm)* đến *двадцати (hai mươi)*, ... Ví dụ: *два стола (hai cái bàn)*, *пять столов (năm cái bàn)*. Với các số từ *тысяча (nghìn)*, *миллион (triệu)*, *миллиард (tỷ)* danh từ chỉ được sử dụng ở dạng cách hai số nhiều: *тысяча парков (nghìn công viên)*, *миллион (triệu căn hộ) квартир*, *миллиард долларов (tỷ đô la)*.

2.2.2. Đặc điểm hình thái và cú pháp của phân số:

Các số từ biểu thị số lượng thập phân được gọi là phân số. Các phân số luôn là số ghép, chúng được hình thành từ số từ số lượng và số thứ tự: *одна седьмая (một phần bảy)*, *две пятых (hai phần năm)*. Các số từ sau: *полтора (một rưỡi)*, *полторы (một rưỡi)* và *полтораستا (một trăm rưỡi)* cũng là phân số; những con số này chỉ có thể được kết hợp duy nhất với danh từ.

a. Đặc điểm hình thái

- Phạm trù số: Phân số không có phạm trù số, vì nó có thể đếm được. Ngoại trừ, số từ *полтора* được sử dụng với các danh từ giống đực và giống trung: *полтора метра (một mét rưỡi)*, *полтора ведра (một xô rưỡi)*, số từ *полторы* kết hợp cùng với danh từ giống cái: *полторы минуты (một phút rưỡi)*.

- Phạm trù cách: Phân số thay đổi theo các cách; Từ số biến cách như số từ số lượng, còn mẫu số sẽ biến đổi như tính từ ở dạng số nhiều: *Она уже прочитала четыре пятых этого романа (Cô ấy đã đọc xong bốn phần năm quyển tiểu thuyết)*.

- Phạm trù giống: Các phân số không có phạm trù giống. Ví dụ: *две пятых класса (hai phần năm lớp)*, *две пятых кольца (hai phần năm vòng)*, *две пятых книги (hai phần năm cuốn sách)*.

b. Đặc điểm cú pháp

Các phân số khi kết hợp với danh từ thì sẽ thành một thành phần của câu.

- *В нашем институте учатся полторы тысячи студентов. (chủ ngữ)*

(Một nghìn rưỡi sinh viên đang học tại viện của chúng tôi.)

- *Спортсмен проиграл пять десятых секунды. (bỏ ngữ)*
(Vận động viên mất năm phần mười giây.)

2.2.3. Đặc điểm hình thái và cú pháp của số từ tập hợp

Các số từ tập hợp biểu thị số lượng của một nhóm đối tượng: *трое* (ba), *четверто* (bốn), *семеро* (bảy), *оба* (cả hai), *обе* (cả hai). Các số từ tập hợp *восемь* (tám), *девять* (chín), *десять* (mười) rất ít được sử dụng trong tiếng Nga hiện đại.

a. Đặc điểm hình thái

- Phạm trù số: Các số từ tập hợp không có phạm trù số, vì đây là những khái niệm có thể đếm được.

- Phạm trù cách: Những số từ tập hợp biến cách giống như tính từ. Khi biến cách thì các số từ tập hợp sẽ có đuôi dạng tính từ số nhiều đầy đủ. Các số từ *двое* (hai), *трое* (ba), *оба* (cả hai), *обе* (cả hai) đều được biến đổi dưới dạng tính từ thân mềm; từ *четверо* (bốn) đến *десять* (mười) - như tính từ gốc cứng.

- Phạm trù giống: Các số từ tập hợp không có phạm trù giống, ngoại trừ trường hợp ngoại lệ của số từ *оба* và *обе*. *Оба* được dùng cho giống đực và giống trung, còn đối với giống cái thì dùng từ *обе*.

Lưu ý: Số từ tập hợp chỉ có thể được kết hợp với một nhóm từ giới hạn, ngoại trừ *оба* (cả hai): [3, tr 102]

- Kết hợp với danh từ chỉ ở dạng số nhiều: *двое ножниц*; (*hai cái kéo*);

- Kết hợp với danh từ *дети*, *ребята*, *люди*: *У него двое детей*; (*Anh ấy có hai đứa con*);

- Kết hợp với danh từ biểu thị giống đực: *двое студентов* (*hai sinh viên*), *трое бойцов*; (*ba chiến binh*);

- Kết hợp với danh từ biểu thị động vật nhỏ: *двое котят* (*hai con mèo con*);

- Kết hợp với đại từ nhân xưng: *Нас трое было в кино*. (*Có ba người chúng tôi trong rạp phim*).

b. Đặc điểm cú pháp

Các số từ tập hợp có thể được dùng mà không cần danh từ đi kèm. Trong trường hợp này, số từ tập hợp chỉ số lượng người và có thể đảm nhận những vai trò sau trong câu: [3, tr 101]:

- *Семеро* (chủ ngữ) *одного* (bổ ngữ) *не ждут* (túc ngữ)
(*Bảy người không chờ một người*)

- *Двое* (chủ ngữ) *в комнате - я и Ленин* (*Mayakovsky*)
(*Có hai người trong phòng - tôi và Lênin*)

2.2.4. Đặc điểm hình thái và cú pháp của số thứ tự

Số từ thứ tự được dùng để chỉ thứ tự của các sự vật, hiện tượng đồng loại khi đếm và trả lời cho loại câu hỏi *какой?* (*như thế nào?*): *пятый этаж* (*tầng thứ năm*), *первый студент* (*sinh viên đầu tiên*).

a. Đặc điểm hình thái

- Các số từ thứ tự giống như tính từ, thay đổi theo giống, số và cách khi kết hợp với danh từ.

- Khi dùng các số thứ tự ghép thì sẽ chỉ biến đổi từ cuối cùng. Cần phải biết rằng:

+ Kết thúc của số thứ tự giống như kết thúc của tính từ: *первый* (*thứ nhất*), *второй* (*thứ hai*), *третий* (*thứ ba*).

+ Khi dùng số thứ tự để chỉ định ngày thì tháng sẽ được chia ở dạng cách hai: *к первому января* (*đến ngày một tháng*

hai), *перед четырнадцатым февраля* (*trước ngày mười bốn tháng hai*), *до восьмого марта* (*đến ngày tám tháng ba*).

+ Số thứ tự được dùng trong tên của các sự kiện và ngày lễ của Liên bang Nga khi đi sau các danh từ *праздник* (*ngày lễ*), *дата* (*ngày*) và *день* (*ngày*) thì được chia ở cách một: *К знаменательной дате Девятое мая учащиеся выпустили газету*. (*Học sinh đã xuất bản một tờ báo cho ngày đặc biệt, ngày chín tháng năm*)

b. Đặc điểm cú pháp

Số thứ tự có thể là bất kì thành phần nào trong câu khi nó kết hợp với danh từ và biến đổi theo danh từ về giống, số và cách. Thông thường chúng sẽ giữ vai trò tính ngữ trong câu.

- *Вчера я получила третье письмо от него*. (*tính ngữ*) (*Hôm qua tôi đã nhận bức thư thứ ba từ anh ấy*)

- *Сегодня мы занимаемся в пятнадцатой аудитории*. (*tính ngữ*) (*Hôm nay chúng tôi học ở phòng mười lăm*)

2.3. Khảo sát những khó khăn trong việc học và sử dụng số từ tiếng Nga của sinh viên

2.3.1. Khó khăn

Tác giả đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến của sinh viên năm 3 (12 sinh viên) chuyên ngành du lịch Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng về những khó khăn, trở ngại mà sinh viên gặp phải trong quá trình học số từ tiếng Nga. Kết quả được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. Kết quả khảo sát những khó khăn trong quá trình học số từ tiếng Nga của sinh viên năm 3 Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Ý kiến của sinh viên	Số lần ý kiến	Tỷ lệ
Cách biến đổi số từ ở các cách	10	83%
Giống của số từ (один, два)	6	50%
Phân loại số từ	2	16%
Sử dụng số từ ghép chỉ số lượng và số từ ghép chỉ thứ tự	7	58%
Sử dụng số từ tập hợp	9	75%
Cách kết hợp số từ với danh từ	9	75%
Ý kiến khác	2	16%

Thông qua những ý kiến của sinh viên, tác giả tổng kết và đưa ra kết luận rằng trong quá trình học số từ tiếng Nga, có những yếu tố gây khó khăn sau:

- Cách biến đổi số từ ở các cách (83%). Lý giải cho khó khăn này tác giả đưa ra ví dụ sau:

(1) В комнате семь окон. (Trong phòng có bảy cửa sổ)

(2) Он владеет семью иностранными языками (Anh ấy thông thạo bảy ngoại ngữ)

Số từ «семь» (bảy) trong hai câu thay đổi theo từng cách: Trong câu đầu tiên số từ được sử dụng ở danh cách (cách một) - «семь», và trong câu thứ hai - ở công cụ cách (cách năm) «семью», trong tiếng Việt không có biến đổi cách, do đó hình thức của chữ số «семь» không thay đổi trong hai câu mà vẫn chỉ là «bảy».

Việc biến đổi các số từ tiếng Nga ở các cách không chỉ có một hình thức duy nhất, nó được thể hiện bằng một số hình thức khác nhau. Nhiệm vụ của sinh viên là phải ghi nhớ các loại số từ này để biến đổi và sử dụng chúng một

cách chính xác trong câu. Nên có thể nói, đây là một khó khăn rất lớn đối với sinh viên khi học về số từ.

- Học số từ, sinh viên còn gặp thêm khó khăn khi kết hợp số từ với danh từ (75%). Ví dụ: один (một), двадцать один (hai mươi mốt),... được kết hợp với danh từ ở danh cách (cách một); два (hai), три (ba), четыре (bốn), тридцать три (ba mươi ba),... được kết hợp với danh từ chia ở dạng sở hữu cách (cách hai) số ít; пять (năm), шесть (sáu),..., сто (một trăm), двести (hai trăm),... kết hợp với danh từ chia ở dạng sở hữu cách (cách hai) số nhiều. Thực tế là học sinh hay quên các quy tắc này nên hay mắc lỗi. Ví dụ, họ thường mắc phải lỗi trong khi nói như: *пять студенты (năm sinh viên), двадцать один лет (hai mốt năm)*.

- Trong tiếng Nga có phạm trù về số từ tập hợp, nhưng trong tiếng Việt không có phạm trù này. Chính vì việc không có số từ tập hợp, cũng như không hiểu rõ cách sử dụng số từ tập hợp nên sinh viên cũng thường gặp trở ngại khi sử dụng các chữ số này (75%).

- Việc sử dụng số từ ghép chỉ số lượng và số từ ghép chỉ thứ tự cũng làm cho sinh viên gặp nhiều khó khăn khi học số từ tiếng Nga (58%). Bởi lẽ, số từ ghép thường là những con số dài, thêm vào đó khi dùng số từ ghép chỉ số lượng thì tất cả những con số ghép lại đều là số từ chỉ số lượng. Ví dụ: *1994: тысяча девяносто девяносто четыре. (số một ngàn chín trăm chín tư)*. Khi muốn dùng số từ ghép chỉ thứ tự thì tất cả những con số đầu đều là số từ chỉ số lượng và con số cuối cùng mới dùng số từ chỉ thứ tự. Ví dụ: *15 февраля 1994 года: пятнадцатого февраля тысяча девятьсот девяносто четвертого года. (ngày 15 tháng một năm 1994: ngày mười lăm tháng một năm một chín chín tư)*. Chính vì thế sinh viên thường mắc lỗi hoặc nhầm lẫn khi sử dụng chúng trong giao tiếp, đặc biệt là ở kỹ năng nói.

- Tất cả số từ số lượng không có phân loại giống, ngoại trừ *один* và *два*. Và sinh viên thường không chú ý đến vấn đề này khi học số từ, thậm chí sinh viên còn quên mất phạm trù giống của *один* và *два* (50%), nên thường sử dụng số từ không chính xác. Ví dụ: *один книга (một quyển sách), два книги (hai quyển sách)*.

2.3.2. Giải pháp khắc phục khó khăn

Dựa trên những kết quả khảo sát cùng với những quan sát thực tiễn trong quá trình giảng dạy, tác giả đề xuất ra một số dạng bài tập về số từ tiếng Nga để giúp sinh viên luyện tập và vận dụng được chúng một cách thuận thực trên tất cả các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.

Có rất nhiều dạng bài tập được sử dụng trong phương pháp giảng dạy ngoại ngữ: Bài tập ngôn ngữ và lời nói, rèn luyện và sáng tạo, phân tích và tổng hợp, giao tiếp và phi giao tiếp, tiếp thu và tái tạo,... Nhưng theo A.N. Shukin, hệ thống bài tập trong dạy ngữ pháp thường bao gồm hai dạng bài chính: Luyện tập và giao tiếp. Mục tiêu của dạng bài tập thứ nhất (luyện tập) là nắm vững được các hình thái ngữ pháp, phân chia được lời nói thành các phân đoạn ngữ nghĩa,... Còn các bài tập của dạng thứ hai (giao tiếp) nhằm mục đích giúp người học thông thạo những hoạt động giao tiếp, phát triển khả năng tham gia giao tiếp bằng tiếng Nga [4, tr 57].

1. Bài tập luyện tập:

Bài tập luyện tập được chia thành các dạng bài tập sau: mô phỏng, thay thế và chuyển đổi. Nhiệm vụ của dạng bài

tập này là dạy học sinh sử dụng ngữ liệu ở nhiều dạng lời nói khác nhau trong quá trình phát triển các kỹ năng và cũng cố chúng [5, tr 319]. Đối với sinh viên năm 3, tác giả đề xuất áp dụng dạng bài tập thay thế và chuyển đổi, vì dạng bài tập mô phỏng thường chỉ áp dụng cho sinh viên năm 1.

a. Bài tập thay thế:

Vi dụ: Hãy viết con số bằng chữ và tháng ở cách thích hợp.

- 1. Сегодня (15, январь) (15, tháng 1)
(Hôm nay) (14, февраль) (14, tháng 2)
(1, май) (1, tháng 5)
(18, июль) (18, tháng 7)
- 2. Мы ждем (30, октябрь) (30, tháng 10)
гостей (24, декабрь) (24, tháng 12)
(Chúng tôi đợi (20, август) (20, tháng 8)
khách) (5, сентябрь) (5, tháng 9)

Vi dụ: Đọc đoạn văn bản sau, thay những hình vẽ bằng từ vựng phù hợp [6, tr 85].

Хотите посмотреть номера? Вот, пожалуйста. Это
 одностынный номер. В номере есть  и . В комнате
 есть  .  , стулья, 2  , 2  и холодильник. В номере есть
 также  . На столе стоят  . В номере есть также  и  .
 Окна на улицу.
 А это двухместные номера. Здесь 2  . А в этом номере 1  .
 В номере один есть 2  , 2  , 2  , 2  .
 А в номере два тоже 2  , 2  , 2  , 2  .
 А это трёхместный номер. Там есть 2  , 3  , 3  , 3  ,  ,
 2  и холодильник.

Vi dụ: Hãy viết những từ trong ngoặc vào chỗ trống sao cho phù hợp [7, tr 46].

- В нашем отеле всего 827 (номер) ..., из них 718 (стандартный) ... и 84 (семейный) ..., остальные люксы.

(Trong khách sạn của chúng tôi chỉ có 827 (phòng)...., trong đó 718 (tiêu chuẩn)... và 84 (gia đình)...., còn lại là cao cấp)

- Вы заказали 3 (бутылка) ... пива и 1 (бутылка) вина, правильно?

(Bạn đã gọi 3 (chai)... bia và 1 (chai) rượu phải không?)

Đối với dạng bài tập này, tác giả đã thực nghiệm trên 12 sinh viên năm 3 chuyên ngành du lịch Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng và thu được kết quả ở Bảng 2.

Bảng 2. Kết quả đánh giá sinh viên sau khi thực nghiệm dạng bài tập thay thế

	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ
Tốt (8.5-10 điểm)	5	42%
Khá (6.5-8 điểm)	6	50%
Trung bình (5-6 điểm)	1	8%

Bảng kết quả trên cho thấy, dạng bài tập thay thế đã giúp sinh viên ghi nhớ được hình thái ngữ pháp của số từ tiếng Nga. Có 50% sinh viên đạt được mức khá, 42% đạt được mức tốt, và chỉ có 1 sinh viên chiếm tỷ lệ 8% đạt mức trung bình.

b. Bài tập chuyển đổi

Vi dụ: Viết lại câu tương tự những câu đã cho bằng cách sử dụng số từ thứ tự.

- Завтра в три часа десять минут приезжает новая группа туристов. (Ngày mai vào lúc 3h10 chiều đoàn khách du lịch mới sẽ đến)

- Не забудьте, мы собираемся в семь часов пять минут около в холле отеля. (Đừng quên, chúng ta sẽ tập trung vào lúc 7h05 ở sảnh khách sạn)

- Экскурсия в старинный город Хойан начинается в шесть часов двадцать минут. (Chuyến thăm quan phố cổ Hội An sẽ bắt đầu vào lúc 6h20 sáng)

- Ресторан закрывается в одиннадцать часов двадцать пять минут. (Nhà hàng đóng cửa vào lúc 11h25)

- Оба мероприятия начинаются в два часа тридцать минут. (Cả hai hoạt động giải trí sẽ bắt đầu vào lúc 2h30)

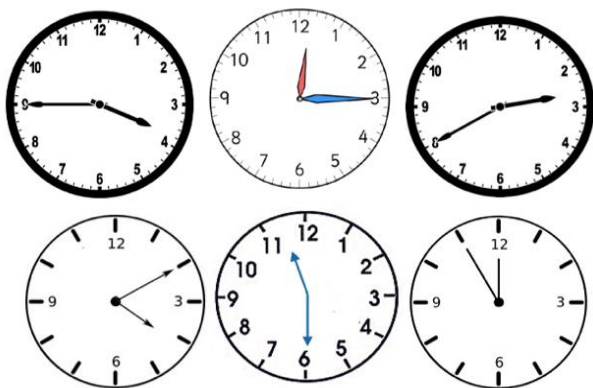
- Эта группа туристов уезжает в девять часов пятнадцать минут. (Đoàn khách sẽ rời đi vào 9h50)

2. Bài tập giao tiếp

Trong hệ thống bài tập giao tiếp gồm những dạng bài tập như: Miêu tả, kể lại, tình huống, đóng kịch và trò chơi.

a. Bài tập miêu tả

Vi dụ: Nhìn vào những chiếc đồng hồ và nói thời gian bằng những cách khác nhau



Ngoài dạng bài tập thay thế, tác giả còn thực nghiệm thêm dạng bài tập miêu tả đối với sinh viên năm 3 (12 sinh viên) chuyên ngành du lịch Khoa tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, bởi vì đây là dạng bài tập được sử dụng rất nhiều khi dạy môn Nói và các môn thực hành trong chuyên ngành du lịch và thu được kết quả ở Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả đánh giá sinh viên sau khi thực nghiệm dạng bài tập miêu tả

	Số lượng sinh viên	Tỷ lệ
Tốt (8.5-10 điểm)	4	33%
Khá (6.5-8 điểm)	6	50%
Trung bình (5-6 điểm)	2	17%

Ở dạng bài tập miêu tả tác giả thu được kết quả sau: 42% sinh viên đạt được mức khá, 33% đạt được mức tốt, và 17% sinh viên đạt mức trung bình. Bảng kết quả thực nghiệm cho thấy, sinh viên đã cải thiện và hạn chế lỗi sai khi sử dụng số từ tiếng Nga trong lời nói.

b. Bài tập tình huống

Bài tập tình huống là một trong những dạng bài tập giao tiếp phổ biến nhất. Trong bài tập này, các tình huống được đưa ra và người học cần xây dựng đoạn văn hoặc hội thoại phù hợp theo chủ đề yêu cầu.

Vi dụ: Xây dựng đoạn hội thoại theo tình huống sau.

Вы гид туристической компании. После завтра у вас будет встреча с группой туристов из Москвы в аэропорту. Сейчас вам надо позвонить руководителю этой группы и определить: а) количество людей в этой группе; б) номер рейса; в) время отправления самолета; г) время прибытия самолета.

(Bạn là hướng dẫn viên của công ty du lịch. Ngày kia, tại sân bay bạn sẽ đón một đoàn khách du lịch từ Moscow đến. Bây giờ bạn cần gọi điện cho người phụ trách của công ty này và xác định: а) Số lượng thành viên trong đoàn; б) Số hiệu chuyến bay; с) Thời gian máy bay khởi hành; д) Thời gian máy bay hạ cánh.)

c. Bài tập kể lại

Kể lại là loại bài tập hiệu quả giúp thúc đẩy sự phát triển của các cơ chế ghi nhớ như kết hợp, xây dựng, tái tạo.

Vi dụ: Bạn là thuyết minh viên tại một điểm du lịch, bạn cần đọc thông tin bên dưới và sau đó kể lại chúng. (Chúng tôi gợi ý một vài đoạn thông tin sau)

- Часы на Спасской башне Кремля заводятся 2 раза в сутки в одно и то же время: в 12 часов дня и в 12 часов ночи. Высота цифр 72 сантиметра. Длина часовой стрелки 2 метра 97 сантиметров, длина минутной стрелки 3 метра 28 сантиметров. [8, tr 7]

(Đồng hồ trên Tháp Spasskaya của Điện Kremlin được lên dây cót 2 lần mỗi ngày vào cùng một thời điểm: 12 giờ trưa và 12 giờ tối. Các chữ số cao 72 cm. Chiều dài của kim giờ là 2 mét 97 cm, chiều dài của kim phút là 3 mét 28 cm.)

- Император Миньманг родился 25 мая 1791 года в провинции Зядинь. Он был вторым царем династии Нгуен и правил с 1820 по 1840 годы. Минманг был самовластным императором, но он был ответственным императором для страны и народа. Когда он правил, он много реформировал в области экономики, образования и дипломатии. У императора Минманга было много жен и наложниц. Он имел 142 ребенка: 78 принцев и 64 принцессы. Он умер 20 января 1841 года. Гробница императора Минманга находится в Хьюэ.

(Vua Minh Mạng sinh ngày 25 tháng 5 năm 1791 tại Gia Định. Ông là vị vua thứ hai của triều Nguyễn và trị vì từ năm 1820 đến năm 1840. Minh Mạng là một vị vua chuyên quyền, nhưng là một vị vua có trách nhiệm với đất nước và nhân dân. Khi cầm quyền, ông đã cải cách rất nhiều trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục và ngoại giao. Vua Minh Mạng có nhiều vợ và thê thiếp. Ông có 142 người con: 78 hoàng tử và 64 công chúa. Ông mất ngày 20 tháng 1 năm 1841. Lăng mộ vua Minh Mạng nằm ở Huế.)

d) Đóng kịch

Hãy tưởng tượng bạn là hướng dẫn viên du lịch. Bây giờ, bạn đang ở trên xe buýt và thông báo cho khách về kế hoạch thăm quan và những hoạt động giải trí theo lịch trình công ty sắp xếp theo bảng mẫu bên dưới [7, tr 50].

Pонедельник	экскурсия по курорту 10.00-15.00	Пятница	праздничная программа для детей 12.00: конкурсы, подарки дискотека 23.00-4.00
Вторник	поездка в столицу	Суббота	фестиваль танца 22.00-4.00: конкурсы, танцы, дискотека
Среда	праздник день нештупна на пляже 15.00: конкурсы, веселье розыгрыши	Воскресенье	прощальный ужин 21.00
Четверг	соревнование по пинг-понгу 19.00	Понедельник	отъезд 9.00

e) Trò chơi

Ví dụ: Я иду в магазин (Tôi đi đến cửa hàng)

Mục đích của trò chơi này là rèn luyện cách sử dụng số từ khi kết hợp với danh từ.

Mô tả trò chơi: Giáo viên phát cho mỗi người chơi một bức tranh, trong đó có hình ảnh đồ vật cần mua và số lượng của chúng. Người chơi đầu tiên nói: “Я иду в магазин. Я покупаю + *название вещи и количество вещей в своем рисунке*” (Tôi đang đi đến cửa hàng. Tôi mua + tên của đồ vật và số lượng đồ vật trong bức tranh). Những người chơi tiếp theo cần lặp lại các câu trước đó và thêm tên của đồ vật và số lượng đồ vật trong tranh của mình. Những người không thể lặp lại một cách chính xác sẽ bị loại.

2.4. Một số nhận xét (bàn luận)

Tác giả cho rằng, số từ tiếng Nga làm một phạm trù từ loại khá khó và gây ra rất nhiều trở ngại với sinh viên khi học tiếng Nga, cũng như khi sử dụng chúng trong công việc, bởi lẽ mỗi nhóm số từ đều có những đặc điểm hình thái riêng, bên cạnh đó lại có rất nhiều cách dùng và cách biến đổi khi sử dụng chúng. Dựa vào thực tế giảng dạy và việc khảo sát những khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình học về số từ tiếng Nga, tác giả nhận thấy việc đề xuất những dạng bài tập liên quan đến số từ là rất cần thiết để hỗ trợ sinh viên khắc phục được những khó khăn khi học về từ loại này. Những dạng bài tập được đề xuất đều xây dựng dựa trên hệ thống bài tập giảng dạy ngữ pháp và những dạng bài tập này đã được thực nghiệm trong quá trình nghiên cứu về số từ cũng như trong quá trình giảng dạy. Tác giả nhận thấy, những dạng bài tập này đã giúp sinh viên hiểu và ghi nhớ được những đặc trưng biến đổi của số từ và có thể sử dụng được chúng trong quá trình học tập cũng như giao tiếp tiếng Nga, đặc biệt trong môi trường giao tiếp du lịch ở cả kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Cốt lõi của việc học ngoại ngữ là sử dụng được, nói được, mang những

kiến thức học được để ứng dụng vào trong công việc sau này. Chính vì thế việc xây dựng được một hệ thống bài tập liên quan đến ngành học của sinh viên luôn là một nhiệm vụ đòi hỏi với người dạy. Giảng viên cần thường xuyên cập nhật xu hướng xã hội, làm đa dạng và phong phú hơn phương pháp giảng dạy, cũng như hoàn thiện hệ thống bài tập để giúp sinh viên vượt qua những khó khăn, lĩnh hội được ngôn ngữ khó này và sử dụng hiệu quả trong nghề nghiệp tương lai, đáp ứng được các yêu cầu của thị trường lao động.

3. Kết luận

Trên cơ sở lý thuyết đã tổng hợp, phân tích về số từ tiếng Nga, nêu đặc điểm về hình thái và cú pháp của từng nhóm số từ, tác giả mong muốn mang đến cho người học cái nhìn chung và tổng quát về số từ tiếng Nga, từng bước hiểu được đặc trưng của từng loại số từ, từ đó có thể dễ dàng vận dụng được chúng trong quá trình học. Tác giả đã tiếp cận và khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về những khó khăn trong quá trình học tập số từ tiếng Nga, phân tích nguyên nhân của những khó khăn đó. Từ những tổng hợp phân tích và kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy, đề xuất những dạng bài tập khác nhau để phục vụ công tác giảng dạy, đồng thời giúp sinh viên khắc phục những khó khăn gặp phải trong quá trình học số từ tiếng Nga; Việc sử dụng những tư liệu bài tập có liên quan đến chuyên ngành du lịch sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những tư liệu học tập trong các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết. Đây cũng là mục đích chính trong bài nghiên cứu. Với kết quả bài nghiên cứu mang lại, tác giả mong muốn được vận dụng vào quá trình giảng dạy tại khoa tiếng Nga Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, cụ thể là môn Tiếng Nga du lịch 1 và 2.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Лебедев В.К. Знакомьтесь: числительное. Пособие для иностранных учащихся. Санкт-Петербург - 2007. (Lebedev V.K. Hãy làm quen: số từ. Giáo trình dành cho người học nước ngoài. Petersburg - 2007).
- [2] Vũ Đình Vị, *Ngữ pháp tiếng Nga*. Nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội - 2003.
- [3] Белошапкина В.А., Брызгунова Е.А., Земская Е.А. Современный русский язык. Москва - 1989. (Beloshapkova V.A., Bryzgunova E.A., Zemskaya E.A. *Ngôn ngữ Nga hiện đại*. Matxcova - 1989).
- [4] Шукин А.Н. Методика преподавания русского языка как иностранного. Москва - 2003. (Shukin A.N. *Phương pháp dạy tiếng Nga như một ngoại ngữ*: Matxcova - 2003).
- [5] Азимов Э.Г., Шукин А.Н. Новый словарь методических терминов и понятий. Москва - 2009. (Azimov E.G., Shukin A.N. *Từ điển mới về các thuật ngữ và khái niệm phương pháp giảng dạy*. Matxcova - 2009).
- [6] Голубева А.В., Задорина А.И., Гананольская Е.В. Русский языка для гостиниц и ресторанов. Санкт-Петербург - 2015. (Golubeva A.V., Zadorina A.I., Ganapolskaya E.V. *Tiếng Nga cho khách sạn và nhà hàng*. Petersburg - 2015).
- [7] Шалпыкова К.К. Лексико-грамматический практикум "Русский - Экзамен - Туризм. РЭТ-1". Москва - 2008. (Shalpykova K.K. *Thực hành ngữ pháp từ vựng "Tiếng Nga - Kỳ thi - Du lịch. RET-1"*. Matxcova - 2008).
- [8] Роговенко Т.А., Ученье с увлечением: тема «Числительное». Стуково - 2007. (Rogovenko T.A., *Học tập với sự nhiệt tình: chủ đề "Số từ"*. Stukovo - 2007).